



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84 8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84 8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, Ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84 4) 3793 1428 / Fax: (84 4) 3793 1429

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	6 - 35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09 với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 308.391.170.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản
- Gia công cấu kiện thép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch;	
Ông Bùi Quốc Công	Ủy viên;	
Ông Ngô Văn Hân	Ủy viên;	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đặng Quang Vinh	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2014
Ông Đỗ Mạnh Tuấn	Ủy viên;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014
Ông Trần Văn Hà	Ủy viên;	
Ông Bùi Văn Kiên	Ủy viên;	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2014
Ông Phạm Văn Hồng	Ủy viên;	
Ông Lê Tiến Phan	Ủy viên.	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Văn Hữu	Tổng Giám đốc;	
Ông Đặng Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Quốc Công	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Trần Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc;	
Ông Phạm Văn Hồng	Phó Tổng Giám đốc;	Bỏ nhiệm từ ngày 01 tháng 8 năm 2014
Ông Trịnh Xuân Nhâm	Phó Tổng Giám đốc;	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 01 năm 2014
Ông Đào Tiến Thành	Kế toán trưởng;	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2014
Ông Ngô Văn Hân	Trưởng phòng tài chính kế toán.	Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

TM. Ban Tổng Giám đốc *UV*

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu



AASCN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD

Số : 08.../2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT, được lập ngày 26 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		988.918.371.194	298.519.202.262
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	41.612.128.847	25.760.761.390
1.	Tiền	111		41.612.128.847	9.760.761.390
2.	Các khoản tương đương tiền	112		0	16.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	12.168.000.000	20.545.497.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		12.168.000.000	20.545.497.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		0	0
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.886.758.158	30.635.936.403
1.	Phải thu khách hàng	131		38.434.769.843	25.988.052.875
2.	Trả trước cho người bán	132		7.873.372.100	3.392.578.512
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	7.617.665.725	5.238.371.354
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3.039.049.510)	(3.983.066.338)
IV.	Hàng tồn kho	140		813.382.181.107	210.626.209.728
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	813.382.181.107	210.626.209.728
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		70.869.303.082	10.950.797.741
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.836.309.543	1.050.523.397
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.510.101.100	361.205.085
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	5.263.580.828	2.849.213.818
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	17.259.311.611	6.689.855.441

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		237.526.557.664	231.130.013.115
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4.	Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II.	Tài sản cố định	220		201.631.875.148	195.520.388.668
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	55.834.308.245	49.384.154.588
	- Nguyên giá	222		181.943.900.165	169.641.368.271
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(126.109.591.920)	(120.257.213.683)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
	- Nguyên giá	225		0	0
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	16.026.750	27.339.750
	- Nguyên giá	228		158.939.000	158.939.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(142.912.250)	(131.599.250)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	145.781.540.153	146.108.894.330
III.	Bất động sản đầu tư	240		0	0
1.	Nguyên giá	241		0	0
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		500.451.200	500.280.800
1.	Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	501.073.530	501.073.530
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.11	(622.330)	(792.730)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		19.764.716.059	17.743.215.584
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	19.764.716.059	17.743.215.584
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3.	Tài sản dài hạn khác	268		0	0
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.13	15.629.515.257	17.366.128.063
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.226.444.928.858	529.649.215.377

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		900.590.428.271	196.747.500.641
I.	Nợ ngắn hạn	310		886.519.476.604	186.358.005.551
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	276.206.315.731	90.818.400.150
2.	Phải trả người bán	312	V.15	550.659.046.647	62.418.371.245
3.	Người mua trả tiền trước	313		33.146.529.435	10.248.258.825
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	8.857.255.939	8.027.810.090
5.	Phải trả người lao động	315		3.508.688.043	1.765.227.321
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	2.827.450.745	3.097.714.840
7.	Phải trả nội bộ	317		0	0
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	10.629.438.872	9.945.492.146
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		684.751.192	36.730.934
II.	Nợ dài hạn	330		14.070.951.667	10.389.495.090
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.19	9.710.400.000	7.610.400.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	4.330.791.667	2.749.847.090
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		29.760.000	29.248.000
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		311.199.147.203	318.749.789.487
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	311.199.147.203	318.749.789.487
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		308.391.170.000	284.502.360.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		956.560.833	24.845.370.833
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		483.226.387	483.226.387
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		1.343.113.240	806.390.333
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		667.551.784	130.835.807
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.038.514.606	16.662.595.774
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C.	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		14.655.353.384	14.151.925.249
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.226.444.928.858	529.649.215.377

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		0	0
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		0	0
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		0	0
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		11.319.786.900	11.319.786.900
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		1.669,23	677,80
	EUR		713,53	84,51
	JPY		0	0
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		0	0

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc

Đỗ Xuân Quang

Ngô Văn Hán



Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.367.487.637.692	547.474.587.107
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	1.114.711.868	44.771.363.631
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	1.366.372.925.824	502.703.223.476
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	1.202.563.211.524	446.582.452.858
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		163.809.714.300	56.120.770.618
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	3.319.804.701	9.351.969.593
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	24.280.425.371	9.850.084.158
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.463.423.007	8.454.240.800
8.	Chi phí bán hàng	24		21.908.455.821	21.017.908.924
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.337.972.970	27.218.210.085
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		84.602.664.839	7.386.537.044
11.	Thu nhập khác	31		7.943.699.069	166.971.534
12.	Chi phí khác	32		11.297.005.702	317.732.645
13.	Lợi nhuận khác	40		(3.353.306.633)	(150.761.111)
14.	Phần lãi, lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		0	0
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		81.249.358.206	7.235.775.933
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	17.185.651.294	1.971.992.828
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.08	0	(393.036.150)
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		64.063.706.912	5.656.819.255
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.853.692.957	1.180.748.303
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		62.210.013.955	4.476.070.952
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	2.044	160

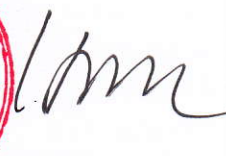
Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Đỗ Xuân Quang

Ngô Văn Hân

Bùi Văn Hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.407.435.378.605	591.969.506.403
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.249.449.014.288)	(444.274.458.343)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(53.869.643.092)	(27.482.942.964)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(7.241.416.872)	(14.693.839.152)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(12.731.250.433)	(970.742.043)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.982.318.682	36.273.162.893
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(201.946.631.531)	(40.352.514.275)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(102.820.258.929)	100.468.172.520
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(13.294.660.754)	(4.492.857.135)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	58.464.317.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(29.138.000.000)	(30.103.122.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.515.497.000	20.382.718.273
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(15.913.506.441)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	1.395.201.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.295.000.558	2.490.817.946
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.622.163.196)	32.223.568.643

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.265.028.198.033	383.311.846.309
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.075.939.490.785)	(508.293.527.190)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.793.218.600)	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		120.295.488.648	(124.981.680.881)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		15.853.066.523	7.710.060.282
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		25.760.761.390	18.050.369.965
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.699.066)	331.143
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		41.612.128.847	25.760.761.390

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Trưởng phòng tài chính kế toán

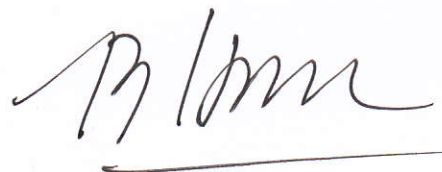
Tổng Giám đốc



Đỗ Xuân Quang



Ngô Văn Hán



Bùi Văn Hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các Công ty con trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô các loại;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ kho vận, đại lý vận tải, dịch vụ cung cấp xăng dầu, phụ tùng, vật tư;
- Dịch vụ trông xe ô tô;
- Dịch vụ hoán cải sửa chữa, cải tạo phương tiện cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công cấu kiện thép.

04. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại ngày cuối năm	Quyền biểu quyết của Công ty mẹ	
			Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Ô tô số 8	Số 7 Lương Yên, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	54,17%	54,17%	54,17%
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	Số 1053 Tô dân phố Kiên Trung, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội	68,11%	68,11%	68,11%
Công ty TNHH Sản xuất lắp ráp ô tô TMT	Thôn Đình Trà, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	0	0	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

02. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm kế toán.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 27 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	03 - 08 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

08. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng (nếu có) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

09. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ;
- Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng;
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và bổ sung từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	17.294.660.374	1.896.453.797
- Tiền gửi ngân hàng	24.317.468.473	7.864.307.593
- Các khoản tương đương tiền	0	16.000.000.000
Cộng	41.612.128.847	25.760.761.390

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Đầu tư ngắn hạn	12.168.000.000	20.545.497.000
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	0	0
- Đầu tư ngắn hạn khác	12.168.000.000	20.545.497.000
+ Cho cán bộ công nhân viên vay (*)	8.548.000.000	14.545.497.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	3.620.000.000	6.000.000.000
b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	0	0
Cộng	12.168.000.000	20.545.497.000

(*): Khoản cho cán bộ công nhân viên của Công ty vay với lãi suất bằng lãi suất cho vay ngắn hạn hiện hành của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại từng thời điểm cộng 1%/năm.

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	7.617.665.725	5.238.371.354
+ Tiền lãi dự thu của các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	293.525.000	940.029.850
+ Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của công ty TNHH TM và sản xuất Thiên Trường An (*)	1.250.000.000	2.250.000.000
+ Các khoản phải thu khác	6.074.140.725	2.048.341.504
Cộng	7.617.665.725	5.238.371.354

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	24.920.863.316	8.545.000
- Nguyên liệu, vật liệu	171.179.021.568	31.062.448.427
- Công cụ, dụng cụ	39.974.377	26.499.496
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	120.176.538.127	50.858.815.616
- Thành phẩm	120.297.103.498	22.294.420.205
- Hàng hoá	181.534.832.710	7.634.266.739
- Hàng gửi đi bán	195.233.847.511	98.741.214.245
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>813.382.181.107</u>	<u>210.626.209.728</u>

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0	28.720.099
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.796.664	63.796.664
- Thuế xuất, nhập khẩu	5.089.673.128	1.957.473.858
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	747.768.013
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	110.111.036	51.455.184
Cộng	<u>5.263.580.828</u>	<u>2.849.213.818</u>

06. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	636.368.474	488.086.286
- Tạm ứng	5.442.642.713	5.519.665.896
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.180.300.424	682.103.259
Cộng	<u>17.259.311.611</u>	<u>6.689.855.441</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá							
Số dư đầu năm		96.423.950.444	38.026.635.297	29.614.816.454	1.527.785.348	4.048.180.728	169.641.368.271
- Mua trong năm		0	1.223.850.682	9.719.557.471	0	0	10.943.408.153
- Đầu tư XDCB hoàn thành		1.424.039.542	0	0	0	0	1.424.039.542
- Tăng khác		0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư		0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán		(64.915.801)	0	0	0	0	(64.915.801)
- Giảm khác		0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm		97.783.074.185	39.250.485.979	39.334.373.925	1.527.785.348	4.048.180.728	181.943.900.165
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm		57.067.726.391	37.352.563.232	20.309.443.628	1.479.299.704	4.048.180.728	120.257.213.683
- Khấu hao trong năm		3.608.301.844	394.397.657	1.895.093.075	19.501.462	0	5.917.294.038
- Tăng khác		0	0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư		0	0	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán		(64.915.801)	0	0	0	0	(64.915.801)
- Giảm khác		0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm		60.611.112.434	37.746.960.889	22.204.536.703	1.498.801.166	4.048.180.728	126.109.591.920
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm		39.356.224.053	674.072.065	9.305.372.826	48.485.644	0	49.384.154.588
2. Tại ngày cuối năm		37.171.961.751	1.503.525.090	17.129.837.222	28.984.182	0	55.834.308.245

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 85.847.427.796 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.848.796.563 đồng và 4.182.987.523 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>158.939.000</i>	<i>158.939.000</i>
- Mua trong năm	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>158.939.000</i>	<i>158.939.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>131.599.250</i>	<i>131.599.250</i>
- Khấu hao trong năm	11.313.000	11.313.000
- Thanh lý, nhượng bán	0	0
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>142.912.250</i>	<i>142.912.250</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>27.339.750</i>	<i>27.339.750</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>16.026.750</i>	<i>16.026.750</i>

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự án mở rộng đầu tư Nhà máy lắp ráp xe ô tô thương hiệu toàn cầu	143.967.441.473	145.359.107.094
- Công trình khác	1.814.098.680	749.787.236
Cộng	145.781.540.153	146.108.894.330

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		501.073.530		501.073.530
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	24	679.000	24	679.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	6	394.530	6	394.530
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật và Vận tải ô tô	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Cộng		501.073.530		501.073.530

11. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác</i>	<i>(622.330)</i>	<i>(792.730)</i>
- Công ty CP thiết bị Bưu điện (POT)	(335.800)	(501.400)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (STB)	(286.530)	(291.330)
Cộng	(622.330)	(792.730)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	3.477.878.986	595.406.845
- Chi phí đèn bù, san lấp mặt bằng	15.365.126.135	15.758.346.227
- Chi phí trả trước dài hạn khác	921.710.938	1.389.462.512
Cộng	<u>19.764.716.059</u>	<u>17.743.215.584</u>

13. Lợi thế thương mại

	<u>Giá trị lợi thế thương mại đầu năm</u>	<u>Giá trị lợi thế thương mại phát sinh tăng</u>	<u>Số đã phân bổ trong năm</u>	<u>Giá trị còn lại cuối năm</u>
- Lợi thế thương mại do đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn thiết kế 30-4	17.366.128.063	0	1.736.612.806	15.629.515.257
Cộng	<u>17.366.128.063</u>	<u>0</u>	<u>1.736.612.806</u>	<u>15.629.515.257</u>

14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	<u>276.206.315.731</u>	<u>90.818.400.150</u>
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>275.238.629.731</i>	<i>90.456.300.150</i>
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ^(a)	85.608.368.779	63.304.881.963
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(b)	181.369.844.392	20.131.853.011
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(c)	8.260.416.560	7.019.565.176
- <i>Vay đối tượng khác</i>	<i>967.686.000</i>	<i>362.100.000</i>
+ Công ty Cổ phần Cao su chất dẻo Đại Mỹ	0	50.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Minh Chính	0	100.000.000
+ Ông Phạm Trung Nghĩa	112.100.000	112.100.000
+ Bà Nguyễn Thu Thủy	0	100.000.000
+ Ông Nguyễn Văn Chính	300.000.000	0
+ Ông Nguyễn Văn Thắng	555.586.000	0
Cộng	<u>276.206.315.731</u>	<u>90.818.400.150</u>

(a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 7%/năm đến 8,5%/năm, được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định tại Nhà máy ô tô Cửu Long, một số tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất và tài sản trên đất tại Hưng Yên.

(b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) với lãi suất từ 8%/năm đến 9%/năm được đảm bảo bằng việc thế chấp một số hàng tồn kho tại Nhà máy ô tô Cửu Long, 100% khối lượng thanh toán của các hợp đồng kinh tế đã ký giữa Công ty và các đối tác mà Công ty là người thụ hưởng về tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV và 100% số dư tài khoản tiền gửi của Công ty tại BIDV.

(c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả người bán trong nước	42.845.741.579	24.537.508.904
- Phải trả người bán nước ngoài	507.813.305.068	37.880.862.341
Cộng	550.659.046.647	62.418.371.245

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	331.295.887	2.953.476.288
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.875.054.218	1.168.421.370
- Thuế thu nhập cá nhân	1.679.978.077	329.202.670
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.938.214.021	3.540.996.026
- Các loại thuế khác	32.713.736	35.713.736
Cộng	8.857.255.939	8.027.810.090

17. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	1.317.979.650	2.058.189.840
- Chi phí vận chuyển	906.110.951	0
- Khác	603.360.144	1.039.525.000
Cộng	2.827.450.745	3.097.714.840

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	3.720.158.495	3.619.798.749
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	3.681.746.560	3.129.671.220
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	0	1.108.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.227.533.817	2.088.022.177
Cộng	10.629.438.872	9.945.492.146

19. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.700.000.000	7.600.000.000
- Phải trả dài hạn khác	10.400.000	10.400.000
Cộng	9.710.400.000	7.610.400.000

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	4.330.791.667	630.000.000
- <i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>3.820.791.667</i>	<i>0</i>
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	3.820.791.667	0
- <i>Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>510.000.000</i>	<i>630.000.000</i>
+ Công ty Cổ phần đại lý Ford Thủ Đô	510.000.000	630.000.000
Nợ dài hạn	0	2.119.847.090
- <i>Nợ thuế tài chính</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- <i>Nợ dài hạn khác</i>	<i>0</i>	<i>2.119.847.090</i>
Cộng	4.330.791.667	2.749.847.090

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	284.502.360.000	24.845.370.833	483.226.387	(8.680.989.647)	806.390.333	130.835.807	12.305.691.452	314.392.885.165
Tăng vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm trước	0	0	0	0	0	0	4.476.070.952	4.476.070.952
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Giảm vốn trong năm trước	0	0	0	0	0	0	(119.166.630)	(119.166.630)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm trước	284.502.360.000	24.845.370.833	483.226.387	(8.680.989.647)	806.390.333	130.835.807	16.662.595.774	318.749.789.487
Số dư đầu năm nay	284.502.360.000	24.845.370.833	483.226.387	(8.680.989.647)	806.390.333	130.835.807	16.662.595.774	318.749.789.487
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần trong năm nay	23.888.810.000	(23.888.810.000)	0	0	0	0	0	0
Lợi nhuận trong năm nay	0	0	0	0	0	0	62.210.013.955	62.210.013.955
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Phân phối lợi nhuận trong năm nay	0	0	0	0	406.707.674	406.707.674	(70.013.341.622)	(69.199.926.274)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	0	0	0	0	130.015.233	130.008.303	(820.753.501)	(560.729.965)
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối năm nay	308.391.170.000	956.560.833	483.226.387	(8.680.989.647)	1.343.113.240	667.551.784	8.038.514.606	311.199.147.203

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	66.501.720.000	61.280.620.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	241.889.450.000	223.221.740.000
Cộng	<u>308.391.170.000</u>	<u>284.502.360.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	284.502.360.000	284.502.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	23.888.810.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	308.391.170.000	284.502.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	68.793.218.600	0

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2013 là 05% và chi tạm ứng cổ tức năm 2014 là 18%.

e. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.839.117	28.450.236
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.839.117	28.450.236
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	409.700	409.700
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.429.417	28.040.536
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu bán hàng hóa	257.383.435.467	13.098.183.602
- Doanh thu bán thành phẩm	1.058.957.560.526	492.939.946.796
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	42.555.425.408	41.436.456.709
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	298.970.836	0
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.292.245.455	0
Cộng	<u>1.367.487.637.692</u>	<u>547.474.587.107</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	31.363.636	386.818.178
- Hàng bán bị trả lại	1.083.348.232	44.384.545.453
Cộng	1.114.711.868	44.771.363.631

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	257.383.435.467	13.098.183.602
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.057.842.848.658	448.168.583.165
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	42.555.425.408	41.436.456.709
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	298.970.836	0
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	8.292.245.455	0
Cộng	1.366.372.925.824	502.703.223.476

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	239.735.936.140	14.312.563.994
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	923.839.047.494	394.633.468.064
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.377.036.175	37.636.420.800
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	112.567.620	0
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	5.498.624.095	0
Cộng	1.202.563.211.524	446.582.452.858

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.623.495.708	2.199.472.039
- Lãi từ chuyển nhượng đầu tư dài hạn	25.000.000	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	177.121.318	18.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	406.987.894	8.494.273
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.767.179	231.566.972
- Lãi bán hàng trả chậm	44.432.602	0
- Lãi Sở Tài chính Hưng Yên trả do thanh lý hợp đồng thuê đất	0	6.892.298.309
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	20.120.000
Cộng	3.319.804.701	9.351.969.593

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	7.463.423.007	8.454.240.800
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	12.065.378.000	776.081.279
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	0	1.690.265.613
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.423.354.408	818.056.277
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	259.693.951	45.934.398
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(170.400)	(1.937.982.213)
- Chi phí tài chính khác	56.531.704	3.488.004
Cộng	24.280.425.371	9.850.084.158

07. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu hoàn thuế nhập khẩu đã nộp	6.556.796.356	0
- Thu nhập khác	1.386.902.713	166.971.534
Cộng	7.943.699.069	166.971.534

08. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Thuế nhập khẩu truy nộp	10.564.025.457	0
- Chi phí khác	732.980.245	317.732.645
Cộng	11.297.005.702	317.732.645

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.185.651.294	1.971.992.828
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	17.185.651.294	1.971.992.828

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	0	0
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	(393.036.150)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	(393.036.150)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	62.210.013.955	4.476.070.952
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	0
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	62.210.013.955	4.476.070.952
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.429.417	28.040.536
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.044	160

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.120.927.426.981	380.132.793.750
- Chi phí nhân công	54.113.177.255	34.928.473.712
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.928.607.038	7.271.878.051
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.271.671.551	35.627.708.654
- Chi phí khác bằng tiền	22.239.591.589	14.561.935.950
Cộng	1.246.480.474.414	472.522.790.116

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp.	137.098.385	0
- Tặng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ Thặng dư vốn cổ phần	23.888.810.000	0

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của Ban lãnh đạo Công ty như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	2.612.542.900	1.762.585.900

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản xuất: Sản xuất và lắp ráp xe ô tô;
- Dịch vụ: Dịch vụ vận tải;
- Thương mại: Kinh doanh thương mại xe ô tô.
- Gia công cấu kiện thép;
- Lĩnh vực khác: Xây dựng công trình giao thông; kinh doanh bất động sản.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT
Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất	Xây dựng	Dịch vụ	Gia công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
Năm nay						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.044.742.816.060	42.555.425.408	257.383.435.467	13.100.032.598	8.591.216.291	1.366.372.925.824
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	970.316.620.313	35.729.876.730	255.208.599.016	13.437.514.685	7.077.650.241	1.281.770.260.985
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	74.426.195.747	6.825.548.678	2.174.836.451	(337.482.087)	1.513.566.050	84.602.664.839
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	653.282.998	759.962.461	596.358.394	2.433.839.931	540.024.694	4.983.468.478
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.657.757.350	1.476.192.700	1.884.953.472	457.900.193	93.936.668	6.570.740.383
Số dư cuối năm						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	873.082.573.173	19.110.915.378	234.424.684.214	15.914.662.990	14.501.997.799	1.157.034.833.554
- Tài sản không phân bổ						69.410.095.304
Tổng tài sản	873.082.573.173	19.110.915.378	234.424.684.214	15.914.662.990	14.501.997.799	1.226.444.928.858
- Nợ phải trả bộ phận	689.621.933.806	3.327.879.609	175.380.484.469	18.396.688.913	3.976.303.281	890.703.290.078
- Nợ phải trả không phân bổ						9.887.138.193
Tổng nợ phải trả	689.621.933.806	3.327.879.609	175.380.484.469	18.396.688.913	3.976.303.281	900.590.428.271

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản xuất	Xây dựng	Dịch vụ	Giá công cấu kiện thép	Lĩnh vực khác	Đơn vị tính: VND
						Cộng
Năm trước						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	447.962.483.136	41.294.313.068	13.446.427.272	0	0	502.703.223.476
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	0	0	0	0	0	0
- Chi phí phân bổ	441.804.464.302	40.013.717.761	13.498.504.368	0	0	495.316.686.432
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	6.158.018.834	1.280.595.307	(52.077.096)	0	0	7.386.537.044
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	3.834.061.858	808.815.723	250.035.890	0	0	4.892.913.471
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.590.324.880	1.820.180.476	562.687.436	0	0	8.973.192.792
Số dư đầu năm						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	459.719.185.028	19.788.013.382	6.184.047.979	17.418.835.942	0	503.110.082.331
- Tài sản không phân bổ						26.539.133.046
Tổng tài sản	459.719.185.028	19.788.013.382	6.184.047.979	17.418.835.942	0	529.649.215.377
- Nợ phải trả bộ phận	174.492.666.670	2.222.547.445	687.074.463	18.877.087.766	0	196.279.376.344
- Nợ phải trả không phân bổ						468.124.297
Tổng nợ phải trả	174.492.666.670	2.222.547.445	687.074.463	18.877.087.766	0	196.747.500.641

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.612.128.847	0	25.760.761.390	0	41.612.128.847	25.760.761.390
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.564.349.282	(3.039.049.510)	30.422.930.462	(3.983.066.338)	42.525.299.772	26.439.864.124
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.168.000.000	0	20.545.497.000	0	12.168.000.000	20.545.497.000
Đầu tư tài chính dài hạn	501.073.530	(622.330)	501.073.530	(792.730)	500.451.200	500.280.800
Cộng	99.845.551.659	(3.039.671.840)	77.230.262.382	(3.983.859.068)	96.805.879.819	73.246.403.314

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Phải trả cho người bán	550.659.046.647	62.418.371.245	550.659.046.647
Vay và nợ	280.537.107.398	93.568.247.240	280.537.107.398	93.568.247.240
Chi phí phải trả	2.827.450.745	3.097.714.840	2.827.450.745	3.097.714.840
Các khoản phải trả khác	12.937.933.817	10.806.422.177	12.937.933.817	10.806.422.177
Cộng	846.961.538.607	169.890.755.502	846.961.538.607	169.890.755.502

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

04. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.07 và V.14). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>
Số cuối năm	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	4.182.987.523
Cộng	4.182.987.523
Số đầu năm	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14.237.002.762
- Phương tiện vận tải	26.740.762
Cộng	14.263.743.524

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho cán bộ công nhân viên vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	550.659.046.647	0	0	550.659.046.647
Vay và nợ	276.206.315.731	4.330.791.667	0	280.537.107.398
Chi phí phải trả	2.827.450.745	0	0	2.827.450.745
Các khoản phải trả khác	3.227.533.817	9.710.400.000	0	12.937.933.817
Cộng	832.920.346.940	14.041.191.667	0	846.961.538.607
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	62.418.371.245	0	0	62.418.371.245
Vay và nợ	90.818.400.150	2.749.847.090	0	93.568.247.240
Chi phí phải trả	3.097.714.840	0	0	3.097.714.840
Các khoản phải trả khác	3.196.022.177	7.610.400.000	0	10.806.422.177
Cộng	159.530.508.412	10.360.247.090	0	169.890.755.502

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số 199B phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

08. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



Đỗ Xuân Quang

Trưởng phòng tài chính kế toán



Ngô Văn Hân

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Hữu

